TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/DS-ST
Ngày: 24-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà.

Ông Tạ Dương Thắng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Loan Em là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ:*** Bà Võ Thị Bé Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2025/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C. Địa chỉ trụ sở: Số A phố L, phường H, Thành phố Hà Nội (số A phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội cũ).

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C: Ông Nguyễn Hải Â – Giám đốc Phòng G – Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố C. Địa chỉ: Đường H, ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ, văn bản ủy quyền ngày 19/9/2019 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Thái Văn T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp K, xã A, thành phố Cần Thơ (ấp K, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ) (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Dương Thị L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp K, xã A, thành phố Cần Thơ (ấp K, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 26 tháng 02 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng C *là ông* Nguyễn Hải Â *trình bày:*

Ngày 06/12/2011, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C đã giải ngân cho ông Thái Văn T vay số tiền 8.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là xây dựng nhà ở, lãi suất 0,25%/tháng, lãi quá hạn 0,325%/tháng. Thời hạn vay là 120 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 06/12/2021. Số dư nợ đến ngày 26/02/2025 là 8.000.000 đồng. Theo thỏa thuận trả nợ thì 12 tháng trả gốc một lần số tiền 1.600.000 đồng, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 06. Tuy nhiên đến nay món vay đã đến hạn nhưng ông Thái Văn T vẫn không thực hiện trả nợ đúng theo hợp đồng và còn nợ 8.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh đến ngày 26/02/2025 là 2.983.855 đồng.

Để đảm bảo nguồn vốn của nhà nước, Ngân hàng C đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Thái Văn T và bà Dương Thị L trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh tổng cộng là 10.983.855 đồng trong đó: Nợ gốc: 8.000.000 đồng, lãi (tạm tính đến ngày 26/02/2025): 2.983.855 đồng và lãi sẽ được cộng thêm từ ngày 26/02/2025 cho đến ngày trả tất nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 20/TB-TLVA ngày 17 tháng 7 năm 2025, tống đạt hợp lệ cho ông Thái Văn T và bà Dương Thị L. Ông Thái Văn T và bà Dương Thị L không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với ông Thái Văn T và bà Dương Thị L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Thái Văn T và bà Dương Thị L vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của ông Thái Văn T và bà Dương Thị L trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay vốn gốc và lãi suất theo quy định của hợp đồng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, người bị kiện là ông Thái Văn T có nơi cư trú tại ấp K, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp K, xã A, thành phố Cần Thơ). Người khởi kiện Ngân hàng C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ) buộc ông Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L trả cho Ngân hàng số tiền vay vốn gốc và lãi suất còn nợ tổng cộng 10.983.855 đồng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã thụ lý đơn khởi kiện và Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ) thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng C và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hải Â, bị đơn ông Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt; ông Nguyễn Hải Â có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Thái Văn T và bà Dương Thị L vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hải Â, ông Thái Văn T và bà Dương Thị L.

[1.3] Đối với việc người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 8.000.000 đồng, lãi (tạm tính đến ngày 26/02/2025) là 2.983.855 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 10.983.855 đồng và lãi sẽ được cộng thêm từ ngày 26/02/2025 cho đến ngày trả tất nợ cho Ngân hàng. Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn bà Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi suất tổng cộng 10.921.938 đồng (nợ gốc 8.000.000 đồng, nợ lãi 2.921.938 đồng). Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[3] Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng C là ông Nguyễn Hải Â chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền vốn gốc và lãi suất phát sinh tổng cộng 10.921.938 đồng (trong đó, vốn gốc 8.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày 24/9/2025 là 2.921.938 đồng) và số tiền lãi phát sinh cho đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận đã ký.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, chương trình cho vay: Hộ nghèo về nhà ở do ông Thái Văn T lập ngày 28/11/2011, Ngân hàng duyệt ngày 05/12/2011 và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – Thu nợ - Dư nợ, thể hiện khách hàng vay: Thái Văn T; chương trình: cho vay hộ nghèo về nhà ở; lãi suất 0,250%/tháng, lãi suất nợ quá hạn: 0,325%/tháng; ngày giải ngân là ngày 06/12/2011 với số tiền vốn gốc là 8.000.000 đồng và đến ngày 06/12/2021 ông Thái Văn T được gia hạn nợ đến ngày 06/9/2025. Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bảng chiết tính nợ vay của khách hàng Thái Văn T, Ngân hàng chỉ yêu cầu số tiền lãi như sau: Tính đến ngày 24/9/2025, số tiền lãi tổng cộng là 3.327.987 đồng, ông T đã trả được số tiền lãi là 406.049 đồng, số tiền lãi còn nợ là 2.921.938 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi suất là 10.921.938 đồng.

[4.2] Tại Giấy ủy quyền lập ngày 01/12/2021, thể hiện bà Dương Thị L là thành viên trong hộ gia đình ủy quyền cho ông Thái Văn T đại diện đứng tên thực hiện các giao dịch với Ngân hàng C. Các thành viên trong hộ gia đình cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng C…

[4.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 20/TB-TLVA ngày 17 tháng 7 năm 2025, tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L, nhưng ông Thái Văn T và bà Dương Thị L không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Ông Thái Văn T và bà Dương Thị L không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng đưa ra. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"* nên căn cứ vào quy định trên, Hội đồng xét xử công nhận bị đơn ông Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L còn nợ Ngân hàng C theo hợp đồng tín dụng ngày giải ngân 06/12/2011 với số tiền vốn gốc là 8.000.000 đồng, tính đến ngày 24/9/2025, số tiền lãi là 3.327.987 đồng, ông T đã trả được số tiền lãi là 406.049 đồng, số tiền lãi còn nợ là 2.921.938 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi suất là 10.921.938 đồng là sự thật.

[5] Căn cứ theo khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định *"Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo*

hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật". Do ông Thái Văn T và bà Dương Thị L không trả được nợ đến hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Thái Văn T và bà Dương Thị L trả tiền vốn gốc và lãi suất là có căn cứ.

[6] Từ những nhận định tại các đoạn [4.1], [4.2], [4.3], [5] nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về yêu cầu bị đơn ông Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng T1 số tiền vay vốn gốc là 8.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh còn lại tính đến ngày 24/9/2025 là 2.921.938 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi suất là 10.921.938 đồng.

[7] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2025) bị đơn ông Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn (nếu có) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng C thì lãi suất mà ông Thái Văn T và bà Dương Thị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Chính sách Xã hội theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng C.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm:

[9.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn ông Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L phải chịu 546.096 đồng (ông Thái Văn T và bà Dương Thị L mỗi người có nghĩa vụ phải nộp 273.048 đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[9.2] Nguyên đơn Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 92; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C về yêu cầu trả số tiền vay vốn gốc, lãi suất đối với bị đơn ông Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L.

2. Xử buộc bị đơn ông Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng Chính sách Xã hội toàn bộ số tiền vay vốn gốc 8.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày 24/9/2025 là 2.921.938 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi suất là 10.921.938 đồng (mười triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm ba mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2025) bị đơn ông Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn (nếu có) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng C thì lãi suất mà ông Thái Văn T và bà Dương Thị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Chính sách Xã hội theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng C.

3. Về án phí:

3.1. Bị đơn ông Thái Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L phải chịu 546.096 đồng (ông Thái Văn T và bà Dương Thị L mỗi người có nghĩa vụ phải nộp 273.048 đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3.2. Nguyên đơn Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

4. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng GĐ, KT, TT & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn